

Số: 2070 /CV-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa đang có nhu cầu Cải tạo mương thoát nước ngoài nhà cạnh nhà A3 và A16; Lắp đặt máy bơm và đường ống cấp nước cho nhà A3, A4, A5, A6.

Để có cơ sở lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa kính mời các đơn vị kinh doanh, các nhà cung cấp quan tâm, có khả năng Cải tạo mương thoát nước ngoài nhà cạnh nhà A3 và A16; Lắp đặt máy bơm và đường ống cấp nước cho nhà A3, A4, A5, A6 gửi hồ sơ năng lực và các tài liệu liên quan về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ: Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, P. Đông Vệ, TP. Thanh Hóa
- Nhận trực tiếp báo giá tại: Tổ văn thư, tầng 1, nhà A5, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, Địa chỉ: Số 181 Hải Thượng Lãn Ông- P. Đông Vệ - TP. Thanh Hóa.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 12/6/2025 đến trước 09h ngày 18/6/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 12/6/2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Thư chào giá ghi rõ hiệu lực, thời gian thực hiện.
- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm có đóng dấu của đơn vị.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị./. 4

Nơi nhận:

- Như trên;
- Webstie BV (để đăng tải);
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, HCQT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Sỹ

2
PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số 2070 /CV-BY ĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá)

STT	Tên công tác	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng
1	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 75mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	100m	0,2400
2	Lắp đặt cút nhựa PPR đường kính 75mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	16,0000
3	Lắp đặt ren ngoài PPR D75mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	16,0000
4	Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 75mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	3,0000
5	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 63mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	100m	0,0600
6	Lắp đặt van ren - Đường kính 63mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	13,0000
7	Lắp đặt cút nhựa PPR đường kính 63mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	9,0000
8	Lắp đặt tê PPR D63mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	8,0000
9	Lắp đặt ren ngoài PPR D63mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	10,0000
10	Lắp đặt ren ngoài PPR D63x50mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
11	Lắp đặt cút ren trong PPR D63mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	3,0000
12	Lắp đặt ren ngoài PPR D40mm	Mỗi hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000

13	Lắp đặt côn đều PPR D40mm	Mối hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
14	Lắp đặt cút PPR D40mm	Mối hàn kín, đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
15	Rọ đồng 65 MH	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	6,0000
16	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D= 65mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m	0,0690
17	Lắp đặt côn thép tráng kẽm nối bằng D= 65mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	16,0000
18	Lắp đặt cút thép tráng kẽm D= 65mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
19	Lắp đặt tê thép tráng kẽm D= 65mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
20	Lắp đặt van một chiều D= 65mm MH	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
21	Lắp đặt van ren - Đường kính 50mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
22	Lắp đặt tê thép tráng kẽm D= 50mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	3,0000
23	Lắp đặt cút thép tráng kẽm D= 50x40mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
24	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D= 50mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m	0,0220
25	Lắp đặt côn thép tráng kẽm D= 50 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
26	Lắp đặt côn thép tráng kẽm D= 50x33mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
27	Lắp đặt côn thép tráng kẽm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000

	D= 50x40mm	thuật		
28	Lắp đặt bít kẽm D= 50 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
29	Lắp đặt rắc co tráng kẽm D=50 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
30	Lắp đặt rắc co tráng kẽm D=65 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
31	Lắp đặt kép thép tráng kẽm D= 65mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	3,0000
32	Lắp đặt kép thép tráng kẽm D= 50mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	3,0000
33	Lắp đặt kép thép tráng kẽm D= 40mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	2,0000
34	Lắp đặt măng sông thép tráng kẽm D= 110 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
35	Van phao inox D100	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	1,0000
36	Lắp đặt ống nhựa PPR D=63mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m	2,2800
37	Lắp đặt cút nhựa PPR D= 63 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	32,0000
38	Lắp đặt côn đều PPR D63 mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	8,0000
39	Bu lông M16	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	32,0000
40	Rong cao su	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	12,0000
41	Đào móng bằng máy đào 0,8m3, chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất II	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m3	0,6508

42	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng >1m, sâu >1m - Cấp đất II	Đúng yêu cầu kỹ thuật	1m3	7,2312
43	Bê tông mương cáp, rãnh nước SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M100, đá 1x2, PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	0,2163
44	Bê tông mương cáp, rãnh nước SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	0,2163
45	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m2	12,6080
46	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m2	0,0060
47	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK $\leq 10\text{mm}$	Đúng yêu cầu kỹ thuật	tấn	0,0272
48	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	0,3253
49	Lắp đặt ống bê tông bằng cần trục, đoạn ống dài 2,5 m, đk D400mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	1 đoạn ống	13,0000
50	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm - Đường kính 400mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	mỗi nối	12,0000
51	Lắp đặt gối đỡ cống	Đúng yêu cầu kỹ thuật	cái	24,0000

		thuật		
52	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	95,7600
53	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi $\leq 1000\text{m}$ - Cấp đất II	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m3	0,7231
54	Vận chuyển đất 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 7T, trong phạm vi $\leq 5\text{km}$ - Cấp đất II	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m3/ 1km	0,7231
55	Vận chuyển đất 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 7T, ngoài phạm vi 5km - Cấp đất II	Đúng yêu cầu kỹ thuật	100m3/ 1km	0,7231
56	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M100, đá 1x2, PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	9,5760
57	Lát nền, sàn bằng gạch đỏ Hạ Long 500x500mm	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m2	67,7500
58	Xây tường thẳng bằng gạch bê tông 6,5x10,5x22cm - Chiều dày $\leq 33\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	3,8107
59	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M100, đá 1x2, PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m3	8,1498
60	Lát nền, sàn bằng gạch đỏ Hạ Long KT 500x500mm, vữa XM M75, PCB40	Đúng yêu cầu kỹ thuật	m2	81,4980